TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2022.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Đức.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Đài.
2. Ông Vũ Xuân Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Ấp SM, xã BS, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Ng, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Ấp SM, xã BS, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(Ông T vắng mặt, bà Ng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Phúc T trình bày:

Ông T và Bà Hoàng Thị Ng tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2010 tại UBND xã BS, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2010 ngày 12/01/2010. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do lối sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường hay cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông T xin ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Ông bà có 03 người con chung tên Nguyễn Hoàng Tân X, sinh ngày 02/02/2011; Nguyễn Phúc H, sinh ngày 26/6/2012; Nguyễn Hoàng Yến C, sinh ngày 24/11/2020. Ly hôn, ông T đồng ý để bà Ng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung và tạm thời ông cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/con/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Bà Hoàng Thị Ng trình bày*:

Bà Ng và ông Nguyễn Phúc T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2010 tại UBND xã BS, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2010 ngày 12/01/2010. Quá trình chung sống ban đầu bình thường nhưng đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do lối sống, tính cách không phù hợp, ông T đi theo người phụ nữ khác. Từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay ông T xin ly hôn thì bà Ng không đồng ý ly hôn vì không muốn con cái thiếu cha, thiếu mẹ.

- Về con chung: Ông bà có 03 người con chung tên Nguyễn Hoàng Tân X, sinh ngày 02/02/2011; Nguyễn Phúc H, sinh ngày 26/6/2012; Nguyễn Hoàng Yến C, sinh ngày 24/11/2020. Ly hôn, bà Ng xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung và tạm thời yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/con/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu quan điểm:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật.

Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Phúc T. Cho ông T được ly hôn với Bà Hoàng Thị Ng.

Về con chung: Giao 03 người con chung tên Nguyễn Hoàng Tân X, sinh ngày 02/02/2011; Nguyễn Phúc H, sinh ngày 26/6/2012; Nguyễn Hoàng Yến C, sinh ngày 24/11/2020 cho bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/con/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc ông T phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.2. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Phúc T có đơn xin vắng mặt, căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phúc T và Bà Hoàng Thị Ng tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2010 ngày 12/01/2010 nên là hôn nhân hợp pháp.

Ông T, bà Ng đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Bà Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm nay nhưng bà không đồng ý ly hôn vì không muốn con cái thiếu cha. Xét thấy, vợ chồng ông T, bà Ng không còn không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa ông T, bà Ng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông T xin ly hôn với bà Ng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Ông T, bà Ng có 03 người con chung tên Nguyễn Hoàng Tân X, sinh ngày 02/02/2011; Nguyễn Phúc H, sinh ngày 26/6/2012 và Nguyễn Hoàng Yến C, sinh ngày 24/11/2020. Ly hôn, ông T đồng ý để bà Ng nuôi con và bà Ng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 cháu nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cho bà Ng nuôi 03 con là phù hợp

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ng yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/con/tháng còn ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/con/tháng. Xét thấy, nhu cầu của các con cũng như chi phí sinh hoạt hiện nay tại địa phương Hội đồng xét xử xét thấy ông T phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/con/tháng là phù hợp.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Phúc T được ly hôn với Bà Hoàng Thị Ng.

2. Về con chung: Giao 03 người con chung tên Nguyễn Hoàng Tân X, sinh ngày 02/02/2011; Nguyễn Phúc H, sinh ngày 26/6/2012 và Nguyễn Hoàng Yến C, sinh ngày 24/11/2020 cho Bà Hoàng Thị Ng trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông Nguyễn Phúc T dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/con/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Phúc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Ông Nguyễn Phúc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu số 0000507 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Ông T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành số tiền gốc nêu trên thì hàng tháng phải chịu mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã BS, H. Trảng Bom, T. Đồng Nai (Giấy CNKH số 09/2010 ngày 12/01/2010);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN BÁ ĐỨC